

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

-----***-----



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ IV NĂM 2020

ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12/2020	NGÀY 01/01/2020
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		125.221.554.279	112.985.177.550
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I - Tiền	110	V.1	21.935.504.405	18.012.704.619
1 - Tiền	111		21.935.504.405	18.012.704.619
II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	120	V.2	-	-
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		54.707.133.217	47.435.284.146
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	45.711.922.426	34.885.665.848
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.945.077.957	5.748.996.287
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	16.719.918.042	17.098.296.889
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137	V.5	(10.669.785.208)	(10.297.674.878)
IV - Hàng tồn kho	140		36.242.585.618	34.706.274.762
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	36.242.585.618	34.706.274.762
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		12.336.331.039	12.830.914.023
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	1.302.057.768	2.053.768.942
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.660.128.354	2.401.882.759
3 - Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	8.374.144.917	8.375.262.322
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		415.418.260.136	499.319.125.474
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
I - Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II - Tài sản cố định	220		382.976.267.815	472.254.781.761
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	382.813.517.815	472.254.781.761
- Nguyên giá	222		1.383.190.370.374	1.474.659.127.438
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.000.376.852.559)	(1.002.404.345.677)
2 - Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9	162.750.000	-
- Nguyên giá	228		427.654.500	238.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(264.904.500)	(238.654.500)
III - Bất động sản đầu tư	230	V.11	6.298.854.633	413.979.660
- Nguyên giá	231		24.550.647.769	6.636.446.595
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(18.251.793.136)	(6.222.466.935)
IV - Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	819.936.291	763.686.291
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		819.936.291	763.686.291
V - Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.336.924.005	4.308.029.805
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	5.998.468.525	5.998.468.525
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(1.661.544.520)	(1.690.438.720)
V - Tài sản dài hạn khác	260		20.986.277.392	21.578.647.957
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	20.986.277.392	21.578.647.957
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		540.639.814.415	612.304.303.024



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 31/12/2020	NGÀY 01/01/2020
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		476.180.889.293	549.232.307.900
I - Nợ ngắn hạn	310		270.398.755.191	260.002.510.346
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	31.497.966.664	56.414.358.799
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	861.147.822	39.508.724
4 - Phải trả người lao động	314		12.342.540.656	13.759.724.744
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	819.484.408	3.434.754.003
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	194.338.523	58.129.869
9- Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	47.159.172.831	35.534.252.915
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	175.849.069.187	148.510.134.192
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.675.035.100	2.251.647.100
II - Nợ dài hạn	330		205.782.134.102	289.229.797.554
7 - Phải trả dài hạn khác	337	V.18	46.518.236.602	75.695.237.554
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	159.263.897.500	213.534.560.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.458.925.122	63.071.995.124
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.21	64.458.925.122	63.071.995.124
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		82.932.721.854	82.932.721.854
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(218.473.796.732)	(219.860.726.730)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(219.477.861.463)	(249.133.828.468)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.004.064.731	29.273.101.738
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		540.639.814.415	612.304.303.024



Lập ngày 15 tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Thanh Hương



TỔNG GIÁM ĐỐC

WƯƠNG NGỌC SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số : B02-DN

(Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

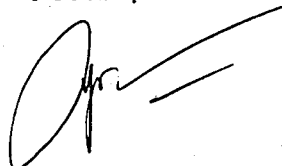
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ IV NĂM 2020**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ IV		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ IV	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM 2020	NĂM 2019
1	2	3	4	5	6	7
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	143.621.232.423	166.588.885.003	513.360.277.529	697.653.441.344
2- Các khoản giảm trừ	02	VI.25		-	-	-
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.26	143.621.232.423	166.588.885.003	513.360.277.529	697.653.441.344
4 - Giá vốn hàng bán	11	VI.27	136.481.404.515	171.082.594.590	518.398.104.396	667.915.823.257
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20 = 10 - 11)	20		7.139.827.908	(4.493.709.587)	(5.037.826.867)	29.737.618.087
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	1.302.699.568	376.089.103	1.708.562.387	1.727.130.440
7 - Chi phí tài chính	22	VI.29	7.008.786.420	6.058.496.952	22.963.348.156	22.952.176.543
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		6.768.820.285	6.032.358.794	22.161.623.839	21.372.074.309
8 - Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24					
9 - Chi phí bán hàng	25	VI.32	2.732.742.659	2.576.736.662	7.310.796.826	10.929.779.749
10 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.32	6.268.882.375	7.264.268.650	19.653.288.405	23.679.986.174
11 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.567.883.978)	(20.017.122.748)	(53.256.697.867)	(26.097.193.939)
30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)				-	-	-
12 - Thu nhập khác	31	VI.30	9.061.138.555	20.571.037.768	55.311.609.286	56.587.454.792
13 - Chi phí khác	32	VI.31	473.150.000	393.048.721	651.941.575	1.217.159.115
14 - Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		8.587.988.555	20.177.989.047	54.659.667.711	55.370.295.677
15 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)	50		1.020.104.577	160.866.299	1.402.969.844	29.273.101.738
16 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		16.039.846	-	16.039.846	-
17 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18 - Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51-52)	60		1.004.064.731	160.866.299	1.386.929.998	29.273.101.738
19- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		914.534.249	160.866.299	1.297.399.516	29.273.101.738
20- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62					
21 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		50	8	69	1.464
22 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Lập ngày 15 tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP

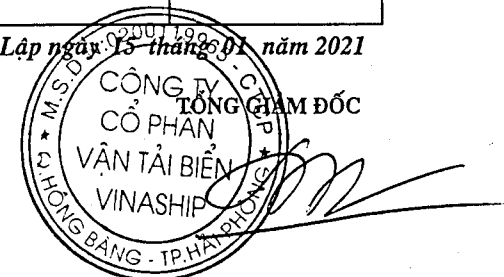


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



Wang Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP.Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số : B03 -DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)


QUÝ IV NĂM 2020

Đơn vị tính : đồng


CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý IV	
			NĂM 2020	NĂM 2019
I	2	3	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 - Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		522.144.860.963	703.550.927.360
2 - Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(409.234.231.066)	(561.254.002.291)
3 - Tiền chi trả cho người lao động	03		(78.831.743.252)	(82.132.016.293)
4 - Tiền chi trả lãi vay	04		(8.170.657.124)	(4.863.165.549)
6 - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10.801.505.093	11.219.962.601
7 - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(27.441.224.906)	(31.213.894.677)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		9.268.509.708	35.307.811.151
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3.912.467.618)	(2.273.460.423)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		26.241.181.818	19.190.363.637
5 - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		37.885.136	39.086.142
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		22.366.599.336	16.955.989.356
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1 - Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu của doanh nghiệp đã phát hành	31		-	-
3 - Tiền thu từ đi vay	33	VII	3.420.000.000	15.390.000.000
4 - Tiền trả nợ gốc vay	34	VII	(29.377.024.829)	(76.787.975.171)
5 - Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.721.233.412)	(500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(27.678.258.241)	(61.897.975.171)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ (50 = 20+30+40)	50		3.956.850.803	(9.634.174.664)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	60		18.012.704.619	27.652.496.804
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(34.051.017)	(5.617.521)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ (70 = 50+60+61)	70		21.935.504.405	18.012.704.619

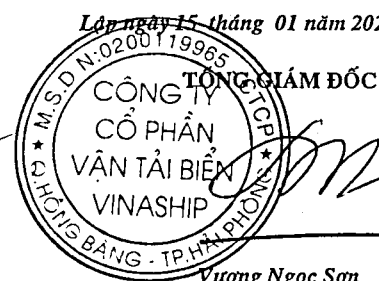
Lập ngày 15 tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Trần Thị Thanh Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY IV NĂM 2020

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần vốn Nhà nước 51 %

- Đại diện phần vốn Nhà nước là Tổng công ty Hàng hải Việt nam

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ ,phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

- Công ty con: 01 công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship tại 280 Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là 513 người.

2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;

- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuế hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;

- Dịch vụ hợp tác lao động ;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;

- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý IV năm 2020 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Sang Quý 4 năm 2020, nhờ có chân hàng ổn định và việc thực hiện phần lớn các chuyến hàng không bị mất ngày tàu nhiều, nên doanh thu tăng đáng kể so với quý 3. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid kéo dài, doanh thu sụt giảm so với cùng kỳ năm ngoái.

Bắt đầu từ ngày 01/10/2020, Công ty thành lập 01 Công ty con — Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship và góp vốn vào Công ty con với vốn điều lệ 5 tỷ đồng (100% Vốn của Cty CP Vận tải biển Vinaship).

II – KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

1- Kỳ kế toán năm : bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 của năm. Kỳ kế toán quý IV năm 2020 bắt đầu từ ngày 01/10/2020 đến 31/12/2020.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

III – CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Chế độ kế toán áp dụng : Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng :

- Tổ chức công tác kế toán nửa tập trung, nửa phân tán.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT/BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình ,vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan. Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.
+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí ,thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :

	Toàn công ty Ngày 31/12/2020	Toàn công ty Ngày 01/01/2020
1- Tiền		
- Tiền mặt	1.083.709.000	1.120.617.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.851.795.405	16.892.087.619
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	21.935.504.405	18.012.704.619
2- Các khoản đầu tư tài chính		
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.998.468.525	5.998.468.525
- Đầu tư vào công ty con	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-
- Đầu tư cổ phiếu	5.998.468.525	5.998.468.525
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 30/09/2020</i>	-	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải : 516.553 CP	4.185.040.000	4.185.040.000
Công ty CP vận tải biển Việt nam : 60.000 CP	1.276.000.000	1.276.000.000
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	537.018.920	537.018.920
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 9 CP	409.605	409.605
Cộng	5.998.468.525	5.998.468.525
d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
Công ty CP vận tải biển Việt nam : 60.000 CP	(1.138.000.000)	(1.177.000.000)
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	(523.544.520)	(513.438.720)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 9 CP	-	-
Cộng	(1.661.544.520)	(1.690.438.720)
3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Cty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	1.596.321.384	5.731.682.434
- Cty TNHH vận tải hàng công nghệ cao	2.103.407.139	3.071.117.904
- Cty TNHH Vinh Phước	4.849.778.050	-
- Cty CP Vận tải biển Hoàng Sơn	16.635.289.073	-
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	20.527.126.780	26.082.865.510
Cộng	45.711.922.426	34.885.665.848
4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
- Tạm ứng	3.584.234.911	4.050.372.615
- Ký cược, ký quỹ	2.000.000	-
- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	1.920.315.181	834.844.398

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
-BH tai nạn	8.975.386	8.621.886
- Bảo hiểm xã hội	304.580.003	200.534.141
- Bảo hiểm y tế	12.294.672	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	42.818.106	31.963.151
- Trung tâm phát triển quỹ đất quận Lê Chân	2.983.955.413	2.983.955.413
- Các khoản chi hộ	62.834.000	1.055.646.198
- Các khoản phải thu khác	455.422.796	589.871.513
+ Phải thu khác	455.422.796	589.871.513
Cộng	16.719.918.042	17.098.296.889
5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Ngày 31/12/2020	Ngày 01/01/2020
- Liana Carrier Ltd	59.231.742	59.231.742
- Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- CN Bạch Đằng- Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
- Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Cty TNHH thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000
-Cty CP thương mại vận tải Thiên Thành	124.864.880	96.689.200
- Cty TNHH TMDV XNK Phan Thành Phát	-	49.672.750
-Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	773.453.800
-Nguyễn Văn Bình	370.500.000	259.350.000
-Cty TNHH thương mại vận tải Việt Dũng	298.824.000	347.846.800
Cộng	10.669.785.208	10.297.674.878
6- Hàng tồn kho	Ngày 31/12/2020	Ngày 01/01/2020
- Nguyên liệu, vật liệu	36.069.394.090	33.848.150.422
- Công cụ, dụng cụ	20.560.000	-
- Chi phí dịch vụ dở dang	-	656.398.374
- Hàng hoá	152.631.528	201.725.966
- Hàng gửi đi bán	-	-
Cộng	36.242.585.618	34.706.274.762
7- Xây dựng cơ bản dở dang	Ngày 31/12/2020	Ngày 01/01/2020
+ XD bãi container Đình Vũ - HP	91.957.200	91.957.200
+ Chi phí XD lò đất TM8 khu vực đường Hồ Sen	727.979.091	671.729.091
Cộng	819.936.291	763.686.291

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình năm 2020

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH. TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC TB	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ TSCĐ						
1. Số dư đầu kỳ		24.054.233.362	1.450.139.987.133	130.752.694	334.154.249	1.474.659.127.438
2. Số tăng trong kỳ		275.774.000	1.668.256.727	-	32.509.091	1.976.539.818
Trong đó:						
- Do mua sắm			1.668.256.727		32.509.091	1.700.765.818
- Đầu tư XD/CB hoàn thành		275.774.000				275.774.000
3. Số giảm trong kỳ		17.914.201.174	75.481.822.981	-	49.272.727	93.445.296.882
Trong đó:						
- Thanh lý, nhượng bán			75.481.822.981			75.481.822.981
- Chuyển sang CCDC theo TT45						-
- Góp vốn vào công ty con						-
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư		17.914.201.174				17.914.201.174
- Hỏng, không khắc phục được					49.272.727	49.272.727
4. Số cuối kỳ		6.415.806.188	1.376.326.420.879	130.752.694	317.390.613	1.383.190.370.374
Trong đó:						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.324.895.900	82.061.107.213	100.752.694	284.881.522	85.771.637.329
- Chờ thanh lý						
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ						
1. Đầu kỳ		15.855.938.695	986.098.638.282	115.614.451	334.154.249	1.002.404.345.677
2. Tăng trong kỳ		653.565.448	84.488.932.134	4.285.716	2.167.274	85.148.950.572
- Khấu hao		653.565.448	84.488.932.134	4.285.716		85.146.783.298
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư					2.167.274	2.167.274
3. Giảm trong kỳ		11.645.347.982	75.481.822.981	-	49.272.727	87.176.443.690
- Thanh lý, nhượng bán			75.481.822.981			75.481.822.981
- Chuyển sang CCDC theo TT45						-
- Góp vốn vào công ty con						-
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư		11.645.347.982				11.645.347.982
- Hỏng, không khắc phục được					49.272.727	49.272.727
4. Số cuối kỳ		4.864.156.161	995.105.747.435	119.900.167	287.048.796	1.000.376.852.559
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1. Đầu kỳ		8.198.294.667	464.041.348.851	15.138.243	-	472.254.781.761
2. Cuối kỳ		1.551.650.027	381.220.673.444	10.852.527	30.341.817	382.813.517.815
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			377.630.855.634			377.630.855.634

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng văn Thụ - Hồng bàng - Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

9- Tăng , giảm tài sản cố định vô hình năm 2020

CHỈ TIÊU \ NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
I - Nguyên giá			
1 . Số dư đầu kỳ	-	238.654.500	238.654.500
2 . Số tăng trong kỳ	-	189.000.000	189.000.000
Trong đó :			
- Mua trong kỳ		189.000.000	189.000.000
3 . Số giảm trong kỳ	-	-	-
Trong đó :			
4 . Số cuối kỳ	-	427.654.500	427.654.500
II - Giá trị hao mòn lũy kế			
1 . Đầu kỳ	-	238.654.500	238.654.500
2 . Tăng trong kỳ	-	26.250.000	26.250.000
Do trích khấu hao		26.250.000	26.250.000
3 . Giảm trong kỳ	-	-	-
4 . Số cuối kỳ	-	264.904.500	264.904.500
III - Giá trị còn lại			
1 . Đầu kỳ	-	-	-
2 . Cuối kỳ	-	162.750.000	162.750.000

10- Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính năm 2020: Không có

11 - Tăng , giảm bất động sản đầu tư năm 2020

CHỈ TIÊU \ NHÓM TS	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIÊN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	TỔNG CỘNG
I - Nguyên giá			
1 . Số dư đầu kỳ	6.508.156.449	128.290.146	6.636.446.595
2 . Số tăng trong kỳ	17.914.201.174	-	17.914.201.174
- Do chuyển từ TSCĐ sang	17.914.201.174		17.914.201.174
3 . Số giảm trong kỳ		-	-
4 . Số dư cuối kỳ	24.422.357.623	128.290.146	24.550.647.769
II - Giá trị hao mòn lũy kế			
1 . Số dư đầu kỳ	6.094.176.789	128.290.146	6.222.466.935
2 . Số tăng trong kỳ	12.029.326.201	-	12.029.326.201
- Do chuyển từ TSCĐ sang	11.645.347.982	-	11.645.347.982
- Do trích khấu hao	383.978.219	-	383.978.219
3 . Số giảm trong kỳ	-	-	-
4 . Số cuối kỳ	18.123.502.990	128.290.146	18.251.793.136
III - Giá trị còn lại			
1 . Số dư đầu kỳ	413.979.660	-	413.979.660
4 . Số dư cuối kỳ	6.298.854.633	-	6.298.854.633

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	<u>Toàn Công ty</u> <u>Ngày 31/12/2020</u>	<u>Toàn Công ty</u> <u>Ngày 01/01/2020</u>
12- Chi phí trả trước		
a) Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm đội tàu	1.302.057.768	2.053.613.742
Cộng	<u>1.302.057.768</u>	<u>2.053.768.942</u>
b) Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	20.873.072.560	21.578.647.957
- Chi phí trả trước dài hạn khác	113.204.832	-
Cộng	<u>20.986.277.392</u>	<u>21.578.647.957</u>
14- Vay và nợ thuê tài chính	<u>Ngày 31/12/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
a) Vay ngắn hạn	35.000.000.000	34.100.000.000
Trong đó :	-	
+ Vay cá nhân	35.000.000.000	34.100.000.000
b) Vay dài hạn	300.112.966.687	327.944.694.192
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	140.849.069.187	114.410.134.192
Trong đó :	-	
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	46.805.000.000	32.955.000.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	94.044.069.187	67.648.109.363
+ Nợ dài hạn đến hạn trả DATC	-	13.807.024.829
- Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	159.263.897.500	213.534.560.000
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	39.105.450.000	56.755.450.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	120.158.447.500	147.529.110.000
+ Nợ dài hạn DATC	-	9.250.000.000
Cộng	<u>335.112.966.687</u>	<u>362.044.694.192</u>
15- Phải trả người bán	<u>Ngày 31/12/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
PT Indofuels Ltd	7.301.624.629	
KPI Bridge Oil Singapore Pte Ltd	-	8.481.089.570
Cty CP thương mại và dịch vụ Vosco	3.491.921.840	3.016.157.397
Cty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	3.015.430.000	12.348.134.764
Phải trả các đối tượng khác	17.688.990.195	32.568.977.068
Cộng	<u>31.497.966.664</u>	<u>56.414.358.799</u>
16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	<u>Ngày 31/12/2020</u>	<u>Ngày 01/01/2020</u>
a) Phải nộp		
- Thuế GTGT	800.860.379	-
- Thuế TNDN	16.039.846	-
- Thuế thu nhập cá nhân	44.247.597	39.508.724
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
<i>trong đó: tiền thuê đất</i>	-	-
Cộng	<u>861.147.822</u>	<u>39.508.724</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

b) Phải thu		
- Thuế TNDN nộp thừa cho Nhà nước	8.374.144.917	8.374.144.917
- Thuế GTGT nộp thừa	-	1.117.405
Cộng	8.374.144.917	8.375.262.322
17- Chi phí phải trả	Ngày 31/12/2020	Ngày 01/01/2020
a) Ngắn hạn		
- Chi phí phải trả lãi vay	217.453.269	208.456.320
- Chi phí phải trả khác	602.031.139	3.226.297.683
	819.484.408	3.434.754.003
18- Phải trả khác	Ngày 31/12/2020	Ngày 01/01/2020
Ngắn hạn		
- Công đoàn phí	222.931.664	454.576.050
- Kinh phí công đoàn	829.913.958	756.186.623
- Bảo hiểm y tế	60.468.928	89.469.762
- Bảo hiểm ốm đau thai sản	-	7.240.234
- Thuế TNCN	40.638.313	35.339.868
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.804.071.588	9.525.305.000
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	1.755.839.445	1.934.534.549
- Phải trả lãi vay các tổ chức tín dụng	35.909.494.888	22.094.059.356
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	535.814.047	637.541.473
Cộng	47.159.172.831	35.534.252.915
Dài hạn		
- Phải trả lãi vay NH TMCP	21.751.192.789	22.003.924.685
- Nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý	24.767.043.813	53.691.312.869
Cộng	46.518.236.602	75.695.237.554
19- Doanh thu chưa thực hiện	Ngày 31/12/2020	Ngày 01/01/2020
Ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	194.338.523	58.129.869
Cộng	194.338.523	58.129.869
20- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả : Không có		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V21- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu :

a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu năm 2020

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(249.133.828.468)	33.798.893.386
Tăng trong năm trước					-
- Tăng vốn trong năm nay					-
- Lãi năm 2019				29.273.101.738	29.273.101.738
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(219.860.726.730)	63.071.995.124
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(219.860.726.730)	63.071.995.124
-Lỗ Quý I				(15.626.419.709)	(15.626.419.709)
-Lãi quý II				17.929.510.453	17.929.510.453
-Lỗ quý III				(1.920.225.477)	(1.920.225.477)
- Lãi quý IV				914.534.249	914.534.249
- Lãi Công ty con				89.530.482	89.530.482
Số dư cuối ngày 31/12/2020	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(218.473.796.732)	64.458.925.122

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Toàn Công ty Ngày 31/12/2020	Toàn Công ty Ngày 01/01/2020
b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:		
<i>Theo danh sách cổ đông chốt ngày 19/05/2020</i>		
- Vốn góp của Nhà nước 51% VDL	102.000.000.000	102.000.000.000
- Vốn góp của cổ đông Nguyễn Quang Dũng 5,17%	-	10.349.500.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 49 % VDL	98.000.000.000	87.650.500.000
Cộng	200.000.000.000	200.000.000.000
c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận :		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (nguồn vốn kinh doanh)	Ngày 31/12/2020	Ngày 01/01/2020
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	-	-
	200.000.000.000	200.000.000.000
d) Cổ phiếu	Ngày 31/12/2020	Ngày 01/01/2020
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành :	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP
d) Cổ tức		
e) Các quỹ của doanh nghiệp :		
- Quỹ đầu tư phát triển	Ngày 31/12/2020	Ngày 01/01/2020
+ Số dư quỹ đầu năm	82.932.721.854	82.932.721.854
+ Tăng trong năm	-	-
+ Giảm trong năm	-	-
+ Số dư quỹ cuối năm	82.932.721.854	82.932.721.854
- Quỹ đầu tư phát triển : được dùng để bổ sung vốn bổ sung nguồn vốn kinh doanh Công ty.		
23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	Ngày 31/12/2020	Ngày 01/01/2020
a) Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	635.852,58	307.442,76

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐ KINH DOANH :

	Năm 2020	Năm 2019
24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV (MS 01)	513.360.277.529	697.653.441.344
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	513.360.277.529	697.653.441.344
<i>Trong đó :</i>		
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển	401.082.429.814	512.125.879.395
+ Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	112.277.847.715	185.527.561.949
26- Doanh thu thuần vé BH và cung cấp DV(MS10)	513.360.277.529	697.653.441.344
27- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	Năm 2020	Năm 2019
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển	411.627.706.642	486.976.203.407
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ khác đã cung cấp	106.770.397.754	180.939.619.850
Cộng	518.398.104.396	667.915.823.257
28- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	Năm 2020	Năm 2019
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	37.877.936	39.086.142
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.200	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	298.210.477	1.524.303.111
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.372.466.774	163.741.187
Cộng	1.708.562.387	1.727.130.440
29- Chi phí tài chính (Mã số 22)	Năm 2020	Năm 2019
- Chi phí lãi vay	22.161.613.839	21.372.074.309
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	830.171.286	1.580.846.251
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(28.894.200)	(1.200.000)
- Chi phí tài chính khác	457.231	455.983
Cộng	22.963.348.156	22.952.176.543
30- Thu nhập khác	Năm 2020	Năm 2019
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	26.250.272.727	25.894.169.406
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	(9.090.909)	-
- Thu nhập từ xử lý tái cơ cấu đối với khoản vay ngân hàng	28.924.269.056	29.495.743.137
-Thu nhập từ công nợ không phải trả nhà cung cấp	-	1.075.276.763
- Các khoản khác	146.158.412	122.265.486
Cộng	55.311.609.286	56.587.454.792
31- Chi phí khác	Năm 2020	Năm 2019
- Chênh lệch lỗ khi nhượng bán TSCĐ	-	-
- Phạt chậm nộp thuế GTGT	76.721	17.920
- Các khoản bị phạt	25.000.000	113.660.951
- Chi phí hao hụt trong quá trình vận chuyển	-	1.001.890.694
- Các khoản khác	626.864.854	101.589.550
Cộng	651.941.575	1.217.159.115

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Năm 2020	Năm 2019
32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a) Chi phí bán hàng	7.310.796.826	10.929.779.749
Hoa hồng phí cho các tàu	7.310.796.826	10.929.779.749
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.653.288.405	23.679.986.174
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.102.305.043	1.734.389.263
Chi phí nhân công	13.811.379.545	15.847.910.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	489.688.410	407.590.942
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	372.110.330	1.527.012.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.557.771.911	3.048.243.079
Chi phí khác bằng tiền	2.315.033.166	1.109.840.328
Cộng	26.964.085.231	34.609.765.923
33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố :	Năm 2020	Năm 2019
33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	151.962.718.993	226.531.940.807
- Nhiên liệu	141.328.833.430	191.150.916.802
- Nguyên liệu, vật liệu	10.633.885.563	35.381.024.005
33.2- Chi phí nhân công	90.147.040.982	96.556.249.013
- Tiền lương	74.182.621.493	80.053.850.030
- BHXH	6.134.031.554	6.520.716.076
- Bảo hiểm y tế	766.981.421	804.212.583
- Bảo hiểm thất nghiệp	350.748.288	372.310.232
- Kinh phí công đoàn	878.409.226	568.473.092
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	7.834.249.000	8.236.687.000
33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định	85.559.178.791	86.999.306.696
33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài	201.098.168.937	281.342.907.446
33.6- Chi phí khác bằng tiền	7.060.084.326	8.686.087.400
Cộng	535.827.192.029	700.116.491.362

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2020	Năm 2019
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	3.420.000.000	15.390.000.000
- Tiền thu từ đi vay	3.420.000.000	15.390.000.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	29.377.024.829	76.787.975.171
- Tiền trả nợ gốc vay	29.377.024.829	76.787.975.171

VIII- CÁC THÔNG TIN KHÁC**NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý**

Với Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
 - Cổ tức phải trả Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam

- Phải thu của người mua Tổng cty Hàng hải VN

Phát sinh trong kỳ:

Đã thu trong kỳ

- Phải trả người bán Tổng cty Hàng hải VN

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

trong đó Thu nhập của Tổng Giám đốc

	Ngày 31/12/2020	Ngày 01/01/2020
	7.179.066.588	8.900.000.000
	-	-
	-	4.584.562.909
	-	4.584.562.909
	-	-
	2.231.482.188	1.804.826.214
	469.350.375	476.804.555

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

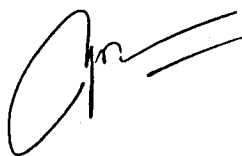
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm 2020 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động :

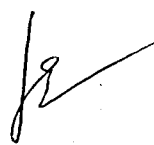
Các hoạt động	Quý IV năm 2020	Năm 2020	Quý IV năm 2019	Năm 2019
Vận tải biển				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	119.948.417.746	401.082.429.814	130.484.483.297	512.125.879.395
- Chi phí	122.426.299.899	437.855.305.182	146.714.828.041	521.525.766.780
- Lợi nhuận	(2.477.882.153)	(36.772.875.368)	(16.230.344.744)	(9.399.887.385)
Hoạt động dịch vụ				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	23.672.814.677	112.277.847.715	36.104.401.706	185.527.561.949
- Chi phí	23.056.729.650	107.506.884.445	34.208.771.861	180.999.822.400
- Lợi nhuận	616.085.027	4.770.963.270	1.895.629.845	4.527.739.549
Hoạt động tài chính				
- Doanh thu tài chính	1.302.699.568	1.708.562.387	376.089.103	1.727.130.440
- Chi phí tài chính	7.008.786.420	22.963.348.156	6.058.496.952	22.952.176.543
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(5.706.086.852)	(21.254.785.769)	(5.682.407.849)	(21.225.046.103)
Hoạt động khác				
- Thu nhập hoạt động khác	9.061.138.555	55.311.609.286	20.571.037.768	56.587.454.792
- Chi phí hoạt động khác	473.150.000	651.941.575	393.048.721	1.217.159.115
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	8.587.988.555	54.659.667.711	20.177.989.047	55.370.295.677

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



Trương Ngọc Sơn